

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày: 16/7/2020

V/v: “Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huyền Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Trịnh Thị Oanh
2. Ngô Văn Tuyền.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thùy Nguyên. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 257/2019/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: quận T, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Võ Đình T; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch E, Ngân hàng N chi nhánh huyện K.

Địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đặng Võ Trường S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Ngày 04/5/2018, ông Đặng Võ Trường S có vay vốn tại Phòng giao dịch E, Agribank Chi nhánh huyện K theo hợp đồng tín dụng số 5203LAV201801356 số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); lãi suất cho vay là 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay; lãi suất chậm trả 10%/năm; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay vốn: Mua máy khoan giếng và mua sắm vật dụng gia đình.

Ngày 04/5/2018, ông Đặng Võ Trường S ký kết với phòng giao dịch E, Agribank Chi nhánh huyện K hợp đồng thế chấp số 5203-313891364/HĐTC để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 192198 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 12/12/2011 (nhận chuyển nhượng ngày 13/04/2017); số vào sổ: CH/00167; thửa đất số: 59a; tờ bản đồ số: 01; diện tích 324m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông Đặng Võ Trường S là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 003553 ngày 04/5/2018 do Văn phòng công chứng T chứng thực.

Theo cam kết tại hợp đồng tín dụng ông Đặng Võ Trường S phải trả nợ gốc và lãi đúng kỳ khi đến hạn. Nhưng đến nay, ông Đặng Võ Trường S vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết theo Hợp đồng tín dụng và để nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 16/7/2020, tổng dư nợ của ông Đặng Võ Trường S tạm tính tại phòng giao dịch E, Agribank Chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk là: 388.847.541đ (Ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn:

69.021.370 đồng; nợ lãi quá hạn: 14.972.055 đồng; nợ lãi chậm trả: 4.854.116 đồng.

Phòng giao dịch E, Agribank Chi nhánh huyện K đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Đặng Võ Trường S thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số 5203LAV201801356 ngày 04/5/2018, yêu cầu ông Đặng Võ Trường S thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thế chấp số: 5203-313891364/HĐTC ngày 04/5/2018. Tuy nhiên, tính đến nay, ông Đặng Võ Trường S vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng N khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên buộc:

Buộc ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 16/7/2020 là là: 388.847.541đ (Ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; nợ lãi: 88.847.541 đồng.

Buộc ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5203LAV201801356 ngày 04/5/2018, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông Đặng Võ Trường S trả hết nợ gốc cho Agribank.

Nếu ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Agribank thông qua Agribank Chi nhánh huyện K - Đắk Lắk có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp số: 5203-313891364/HĐTC 2018 ngày 04/5/2018 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Đặng Võ Trường S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông S, bà L vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đặng Võ Trường S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt tại buổi làm việc lập bản tự khai cũng như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 282; Điều 292; Điều 293; Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc vợ chồng ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc: 300.000.000 đồng và tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày vay cho đến ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp vợ chồng ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu thi hành án cưỡng chế bán phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 5203-313891364/HĐTC ngày 04/5/2018.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng N, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện bị đơn ông Đặng Võ Trường S cư trú tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi ông Đặng Võ Trường S và bà Nguyễn Thị L cư trú thì, vợ chồng ông S, bà L hiện nay

vẫn đang cư trú tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên vợ chồng ông S, bà L thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Đặng Võ Trường S và bà Nguyễn Thị L vẫn không tham gia tố tụng theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L liên đới trả toàn bộ số tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 04/5/2018, ông Đặng Võ Trường S có vay vốn tại Phòng giao dịch E, Agribank Chi nhánh huyện K, số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) là thực tế, được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 5203LAV201801356 và hợp đồng thế chấp tài sản số 5203-313891364/HĐTC ngày 04/5/2018. Ông Đặng Võ Trường S là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 003553 ngày 04/5/2018. Hiện nay, đã quá hạn trả nợ theo hợp đồng nhưng ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, nên cần buộc ông Đặng Võ Trường S và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng, và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến khi trả nợ xong, là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn:

Từ ngày 07/5/2018 đến ngày 07/5/2019 là: 365 ngày x 300.000.000đ x

12%: 365 ngày = 36.000.000đ.

Từ ngày 08/5/2019 đến ngày 07/5/2020 là: 366 ngày x 240.000.000đ x 12%: 365 ngày = 28.878.904đ.

Từ ngày 08/5/2020 đến ngày 16/7/2020 là: 70 ngày x 180.000.000đ x 112%: 365 ngày = 4.142.466đ.

Tổng tiền lãi trong hạn 69.021.370 đồng.

Lãi suất quá hạn:

Từ ngày 08/5/2019 đến ngày 16/7/2020 là: 436 ngày x 60.000.000đ x 18% : 365 ngày = 12.900.822đ.

Từ ngày 08/5/2020 đến ngày 16/7/2020 là: 70 ngày x 60.000.000đ x 18% : 365 ngày = 2.071.233đ.

Tổng số tiền lãi quá hạn là: 14.972.055 đồng.

Lãi suất chậm trả:

Từ ngày 08/5/2019 đến ngày 16/7/2020 là: 436 ngày x 36.000.000đ x 10% : 365 ngày = 4.300.274đ.

Từ ngày 08/5/2020 đến ngày 16/7/2020 là: 70 ngày x 28.878.904đ x 10% : 365 ngày = 553.842đ

Tổng tiền lãi chậm trả: 4.854.116 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 88.847.541đ (Tám mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ của bà Nguyễn Thị L: Trước khi ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn ngân hàng, bà Nguyễn Thị L đã ký hợp đồng ủy quyền cho ông Đặng Võ Trường S được quyền thay mặt và nhân danh mình ký kết hợp đồng thế chấp, các hợp đồng tín dụng để vay vốn tại các Ngân hàng. Mặt khác, tại hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N và ông Đặng Võ Trường S đã ký kết thể hiện mục đích vay là tiêu dùng trong gia đình. Vì vậy, cần buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Đặng Võ Trường S trả nợ cho Ngân hàng, là phù hợp.

[4] Về tài sản thế chấp: Để bảo đảm khoản vay thì ông Đặng Võ Trường S đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 5203-313891364/HĐTC ngày 04/5/2018 về thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 192198 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 12/12/2011 (nhận chuyển nhượng ngày 13/04/2017); số vào sổ: CH/00167; thửa đất số: 59a; tờ bản đồ số: 01; diện tích 324m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông Đặng Võ Trường S là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 003553 ngày 04/5/2018.

Hợp đồng thế chấp được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 292; Điều 293 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ.

Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Nên Tòa án công nhận Hợp đồng thế chấp giữa ông Đặng Võ Trường S với Ngân hàng N là có thực và hợp pháp.

Vì vậy, trường hợp ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự cưỡng chế bán phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ trong phạm vi nghĩa vụ bảo đảm cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 192198 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 12/12/2011 (nhận chuyển nhượng ngày 13/04/2017); số vào sổ: CH/00167; thửa đất số: 59a; tờ bản đồ số: 01; diện tích 324m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc ông Đặng Võ Trường S và bà Nguyễn Thị L phải chịu 19.442.377đ (Mười chín triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: 388.847.541đ x 5% = 19.442.377 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 8.730.000đ (Tám triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 488 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc vợ chồng ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 388.847.541đ (Ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi một đồng), trong đó tiền nợ gốc: 300.000.000 đồng và tiền lãi suất: 88.847.541 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Sau khi vợ chồng ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BI 192198 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 12/12/2011 (nhận chuyển nhượng ngày 13/04/2017); số vào sổ: CH/00167; thửa đất số: 59a; tờ bản đồ số: 01; diện tích 324m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự, bán phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BI 192198 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 12/12/2011 (nhận chuyển nhượng ngày 13/04/2017); số vào sổ: CH/00167; thửa đất số: 59a; tờ bản đồ số: 01; diện tích 324m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí: Buộc ông Đặng Võ Trường S, bà Nguyễn Thị L phải chịu 19.442.377đ (Mười chín triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo mức tính: 388.847.541đ x 5% = 19.442.377 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 8.730.000đ (Tám triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0003993, ngày 13/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Phạm Thị Huyền Trang**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại phòng Nghị án.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tuyển, bà Trịnh Thị Oanh.

Đã tiến hành nghị án hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 177/2019/TLST-DS, ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang Khánh - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà N04 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Tp Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Phạm Văn Tứ - Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 68-70, Lê Hồng Phong, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Văn Đăng - Chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách phòng giao dịch số 1 Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 334A, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Bê, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn Thăng Tiến 1, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Thu Thảo.

Địa chỉ: Thôn Thăng Tiến 1, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định những vấn đề sau:

- Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

*Biểu quyết: 3/3 = 100%.*

- Về Điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH -14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

*Biểu quyết: 3/3 = 100%.*

- Các quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.

Buộc ông Huỳnh Bê và bà Phan Thị Thu Thảo có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam số tiền 122.942.900đ (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm đồng). Trong đó, tiền gốc: 79.298.200 đồng, tiền lãi: 43.644.700 đồng, tính đến ngày 25/11/2019.

Kể từ ngày 26/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

*Biểu quyết: 3/3 = 100%.*

- Về án phí: Buộc ông Huỳnh Bê và bà Phan Thị Thu Thảo phải chịu 6.147.145 đồng (Sáu triệu, một trăm bốn mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam số tiền 2.913.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0003813 ngày 28/8/2019.

*Biểu quyết: 3/3 = 100%.*

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 25 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**